

Số: 68/2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định chế độ, chính sách và các điều kiện hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 64/TTr-BPC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 87/BC-KTNS ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

3. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2021-2026;

- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (mới) nhiệm kỳ 2021-2026;

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai tiếp tục áp dụng thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung, mức chi và các điều kiện bảo đảm hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/2026/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định một số nội dung, mức chi và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thực hiện các nội dung, mức chi phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đúng đối tượng, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Các nội dung chi không nêu tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Kinh phí hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong phạm vi ngân sách tỉnh hỗ trợ hằng năm.

4. Kinh phí hoạt động cấp xã trong phạm vi được cấp hằng năm, cấp tỉnh không bổ sung thêm kinh phí cho cấp xã và đồng thời tùy theo tình hình ngân sách cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã được phép chi nhưng không vượt quá mức chi theo Nghị quyết này.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp thì được hưởng 01 chế độ hỗ trợ cao nhất đối với các nội dung chi: Khoán chi phí khai thác internet, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo; cấp dụng tài liệu; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị tương đương).

Chương II

MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI CỤ THỂ

Điều 3. Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời ở xa (cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên) tham dự kỳ họp được			

	bố trí ăn, nghỉ tại nhà khách, khách sạn. Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ được thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành			
2	Tiền giải khát	đồng/ người/buổi	50.000	50.000
3	Nếu mời cơm thân: Thực hiện như chế độ tiếp khách theo quy định hiện hành. Trường hợp tiền ăn phát sinh theo thực tế, giao Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định			
4	Chế độ bồi dưỡng kỳ họp Hội đồng nhân dân			
a	Chủ tọa kỳ họp	đồng/buổi/ người	220.000	140.000
b	Thư ký kỳ họp	đồng/buổi/ người	170.000	110.000
c	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/buổi/ người	130.000	90.000
d	Đại biểu khách mời	đồng/buổi/ người	110.000	60.000
e	Đại biểu nguyên là lãnh đạo tỉnh do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định			
f	Công chức, người lao động văn phòng phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/buổi/ người	110.000	60.000
g	Phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí, biên tập viên Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai trực tiếp đưa tin kỳ họp; lực lượng bảo vệ kỳ họp, nhân viên y tế, nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ khác	đồng/buổi/ người	80.000	50.000
h	Riêng chi hỗ trợ Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai; đơn vị truyền hình trực tiếp và đưa tin các hoạt động của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định. Không quá 10.000.000 đồng/kỳ họp chuyên đề, 20.000.000 đồng/kỳ họp thường lệ			
3	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung chi, mức chi của Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh trong khu vực do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng cai tổ chức			

Điều 4. Chi xây dựng văn bản

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Chi xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (đối với Nghị quyết không phải là văn bản quy phạm pháp luật)			
a	Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết (tờ trình và dự thảo Nghị quyết) không bao gồm nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình	đồng/bộ văn bản	1.300.000	540.000
b	Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết về công tác nhân sự (tờ trình và dự thảo Nghị quyết) không bao gồm nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình	đồng/bộ văn bản	570.000	240.000
c	Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết	đồng/văn bản	510.000	400.000
d	Chỉnh sửa, hoàn thiện Nghị quyết ban hành (không bao gồm Nghị quyết về nhân sự do Ủy ban nhân dân tỉnh trình)	đồng/nghị quyết	200.000	80.000
e	Chi xây dựng, chỉnh lý hoàn thiện Nghị quyết về công tác nhân sự (dự thảo Nghị quyết và chỉnh lý) do Ủy ban nhân dân tỉnh trình	đồng/nghị quyết	490.000	190.000
f	Các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung bằng 50% mức chi nghị quyết mới tương ứng ban hành tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này			
2	Chi soạn thảo báo cáo, văn bản phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân			
a	- Xây dựng nội dung, chương trình kỳ họp - Chương trình điều hành kỳ họp Hội đồng nhân dân - Kế hoạch tổ chức Kỳ họp - Diễn văn khai mạc kỳ họp - Diễn văn bế mạc kỳ họp	đồng/văn bản	500.000	200.000
b	Biên bản kỳ họp, Thông báo kết quả kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/bộ văn bản	1.480.000	550.000
c	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận tổ tại kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	2.230.000	1.120.000
d	Báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	570.000	250.000
e	Báo cáo của các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	510.000	220.000

3	Báo cáo của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương. Báo cáo của Đảng ủy Hội đồng nhân dân: Báo cáo Quý, 6 tháng, tổng kết năm, tổng kết nhiệm kỳ, báo cáo phục vụ Đoàn giám sát của Trung ương	đồng/văn bản	570.000	
4	Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ, công chức của Đảng ủy Hội đồng nhân dân (gồm: Tờ trình, Biên bản, Kết luận, Phiếu bầu...)	Đồng/bộ văn bản	570.000	
5	Chi báo cáo công tác tổng kết nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	1.140.000	570.000
6	Chi xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	1.000.000	500.000
7	Bài viết hoặc nội dung trả lời phỏng vấn của báo chí; bài phát biểu tham luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tại các Hội nghị do Trung ương tổ chức	đồng/văn bản	500.000	200.000

Điều 5. Chi hoạt động giám sát, khảo sát

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Chi xây dựng văn bản giám sát của Hội đồng nhân dân			
a	Chi thành lập Đoàn giám sát (quyết định, kế hoạch và đề cương)	đồng/bộ văn bản	1.800.000	1.000.000
b	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát	đồng/báo cáo	2.000.000	800.000
2	Chi xây dựng văn bản giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân bằng 80% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này			
3	Chi xây dựng văn bản giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân bằng 70% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này			
4	Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân bằng 60% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này			
5	Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân bằng 50% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này			

6	Chế độ bồi dưỡng giám sát, khảo sát			
a	Trưởng đoàn	đồng/buổi/người	170.000	110.000
b	Phó Trưởng đoàn	đồng/buổi/người	130.000	90.000
c	Thành viên	đồng/buổi/người	110.000	60.000
d	Cán bộ, công chức Văn phòng, Phóng viên, nhân viên lái xe, phục vụ	đồng/buổi/người	90.000	50.000

Điều 6. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Chi khoán hỗ trợ Hội nghị tiếp xúc cử tri (để trang trí, nước uống và các khoản hỗ trợ khác phục vụ tiếp xúc cử tri)	đồng/điểm/ lần tiếp xúc cử tri	1.500.000	1.000.000
2	Chi khoán hoạt động tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân (chế độ bồi dưỡng tiếp xúc cử tri không bao gồm công tác phí)	đồng/năm/ đại biểu	5.000.000	2.500.000
3	Kinh phí hỗ trợ cho cấp xã để tổ chức điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách các xã chi và quyết toán theo quy định hiện hành			
4	Kinh phí hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do ngân sách cấp xã bố trí theo quy định			

Điều 7. Chế độ hỗ trợ tổ đại biểu

Hàng năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lập dự toán đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch chi cho ngân sách cấp xã để chi kinh phí cho hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Khoán kinh phí hoạt động của tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (cấp theo số lượng đại biểu mỗi tổ)	đồng/đại biểu/năm	5.000.000	2.500.000
	Nội dung chi bao gồm: Phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ cho đại biểu về tiếp xúc cử tri; xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của tổ và phục vụ các hoạt động giám sát, khảo sát và hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của tổ đại biểu.			

2	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các báo cáo khác theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	220.000	180.000
3	Nguồn kinh phí: Kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách cấp xã của tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do ngân sách xã đảm bảo			

Điều 8. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Chế độ thông tin, báo chí			
a	Mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, mỗi Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã được cấp 01 tờ báo đại biểu Nhân dân định kỳ do Ngân sách tỉnh đảm bảo			
b	Khoán chi phí khai thác internet, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu/năm	3.000.000	1.500.000
2	Chi khoán hỗ trợ may trang phục			
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được khoán tiền may 02 bộ trang phục/nhiệm kỳ/người	đồng/bộ/người	5.000.000	5.000.000
	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; công chức, người lao động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, giúp việc trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân tùy theo điều kiện ngân sách địa phương được khoán tiền may trang phục không quá 02 bộ/nhiệm kỳ/người			
b	Trong nhiệm kỳ: Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được khoán tiền mua 02 cặp đựng tài liệu	đồng/cái	1.000.000	800.000
3	Chế độ khoán hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, hằng năm cho đại biểu Hội	đồng/ đại biểu/	3.000.000	2.000.000

	đồng nhân dân (trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân đã hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ theo chức danh, chức vụ theo quy định thì không hưởng chế độ chi theo Nghị quyết này). Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên	năm		
4	Khoán hỗ trợ chi phí đi lại đối với đại biểu Hội đồng nhân dân			
a	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Khoán hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân tỉnh 3.000.000 đồng/đại biểu/năm; riêng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách là thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ trưởng các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: 5.000.000 đồng/đại biểu/năm. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách đang làm việc tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đã được bố trí phương tiện đi lại thì không thực hiện khoán chi phí đi lại			
b	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Khoán hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân cấp xã: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm			
5	Chế độ tặng quà lưu niệm			
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ hoạt động Hội đồng nhân dân hoặc thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định. Chế độ tặng quà lưu niệm cho cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân và các đối tượng khác nhân dịp Tổng kết nhiệm kỳ hoạt động Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định			
b	Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định			
6	Chi hoạt động Ban biên tập, chi phí phát hành Bản tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và tính đặc thù của Tờ thông tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử để quyết định các nội dung chi cụ thể			
7	Chi tổ chức các đoàn đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu Hội đồng nhân dân (trong và ngoài nước) do Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định			
8	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, các cuộc họp, hội nghị, đào tạo bồi dưỡng của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ theo chế độ công tác phí hiện hành			

9	Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác: Trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp 01 máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương) để sử dụng phần mềm kỳ họp không giấy và phục vụ hoạt động của đại biểu. Việc trang bị thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành của Nhà nước và tùy thuộc vào ngân sách địa phương. Máy vi tính xách tay được giao cho đại biểu quản lý, sử dụng; không hạch toán, theo dõi, quản lý trên sổ sách kế toán tài sản công của cơ quan và không thu hồi khi kết thúc nhiệm kỳ.
---	--

Điều 9. Một số nội dung và mức chi khác của Hội đồng nhân dân các cấp

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Chi thăm hỏi khi ốm đau, lễ tang, các hoạt động khác			
a	Thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân khi ốm đau (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	1.000.000	500.000
b	Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	5.000.000	2.000.000
c	Trường hợp nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bị bệnh hiểm nghèo, mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người/lần (không quá 02 lần/năm)			
	Đối với nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bị bệnh hiểm nghèo, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định mức hỗ trợ, tùy theo điều kiện ngân sách địa phương			
d	Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân. Thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm; nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/người	1.000.000	500.000
e	Phúng điếu: Lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh (phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên); nguyên Thường trực Đảng ủy cấp huyện (cũ); nguyên Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện (cũ); Thường trực Đảng ủy, nguyên Thường trực Đảng ủy cấp xã và thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng các đối tượng trên	đồng/người	1.000.000	500.000
f	Mức chi phúng điếu như trên và 01 vòng hoa theo giá hiện hành nhưng không quá 1.500.000 đồng/vòng hoa			

g	Chi thăm hỏi, phúng điếu, hỗ trợ đột xuất đối với các đối tượng khác; tặng quà cho tổ chức, cá nhân nhân dịp lễ, tết do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định			
2	Chi tặng phẩm là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, nông sản đặc trưng vùng miền cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai và cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân các tỉnh khi Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đến trao đổi, học tập kinh nghiệm			
	Chi tặng phẩm là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, nông sản đặc trưng vùng miền cho các đoàn khách ngoài tỉnh đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã và cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh khi Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã đến trao đổi, học tập kinh nghiệm. Tặng phẩm cho đoàn khách quốc tế do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thực tế			
a	Tặng phẩm tập thể (mức tối đa)	Đồng/đoàn khách	5.000.000	3.000.000
b	Tặng phẩm cá nhân (mức tối đa)	Đồng/cá nhân	1.000.000	
3	Nội dung chi khác từ kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân: Hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí địa phương và trung ương; cước công văn; văn phòng phẩm; đồ dùng vật tư; trang thiết bị, vật tư, máy móc; mời cơm thân; hoa, trái cây chúc mừng các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện; chi hỗ trợ nhằm động viên, biểu dương trẻ em tại Hội nghị tiếp xúc, đối thoại với trẻ em hàng năm và các khoản chi khác phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cấp xã quyết định			

Điều 10. Một số nội dung chi đảm bảo hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương đảm bảo

1. Chi tặng phẩm cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và cho Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trao đổi,

học tập kinh nghiệm, tham dự kỳ họp Quốc hội: 5.000.000 đồng/đoàn khách; 1.000.000 đồng/cá nhân.

2. Chi đón tiếp khách đối với khách do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng các ban Đảng, đoàn thể của Trung ương và tương đương trở lên, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, lãnh đạo Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương trở lên làm trưởng đoàn về thăm và làm việc tại tỉnh được ngân sách tỉnh cấp để chi các khoản: Ăn, ở, đi lại cho các thành viên trong đoàn trong thời gian ở tại tỉnh.

Mức chi cơm thân, phòng nghỉ, tặng phẩm và các chi phí có liên quan đến việc đón tiếp đoàn khách do Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh phê duyệt theo thực tế.

3. Chi thăm hỏi ốm đau

- Đối tượng: Lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh (phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên); nguyên Thường trực cấp ủy cấp huyện (cũ).

- Mức chi: 1.000.000 đồng/người và không quá 02 lần/năm.

4. Chi phúng điếu

- Đối tượng: Lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh (phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên); nguyên Thường trực cấp ủy cấp huyện (cũ); thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con các đối tượng trên.

- Mức chi: Không quá 1.000.000 đồng/người.

- Vòng hoa kèm theo phúng viếng: Không quá 1.500.000 đồng/vòng hoa.

5. Các khoản chi khác chi từ nguồn ngân sách địa phương: Xăng xe; văn phòng phẩm; trang thiết bị, vật tư, máy móc; mời cơm thân; hoa, trái cây chúc mừng các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh chưa quy định tại Điều 10 Nghị quyết do lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh quyết định.

6. Các khoản chi mời cơm thân, tặng phẩm phải có ý kiến phê duyệt của lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh./.